

Số: 9649/YCBG-BVĐKBN2
V/v yêu cầu báo giá gói thầu
Mua sắm một số vật tư khám chữa bệnh

Bắc Ninh, ngày 16 tháng 12 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Gói thầu: Mua sắm vật tư khám và điều trị năm 2025-2027
Thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm vật tư khám và điều trị năm 2025-2027

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, làm cơ sở tổ chức mua sắm gói thầu: Mua sắm một số vật tư khám chữa bệnh thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm vật tư khám và điều trị năm 2025-2027 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2.

Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền - Phường Võ Cường - Tỉnh Bắc Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Nga

- Chức vụ: Văn thư

- Số điện thoại: 0222.3821.242

- Địa chỉ email: bvdkbacninh@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Văn thư - Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 - Đường Nguyễn Quyền - Phường Võ Cường - Tỉnh Bắc Ninh.

- Hoặc nhận qua email (bản quét PDF đã có chữ ký, đóng dấu đỏ Công ty và file excel) theo địa chỉ: bvdkbacninh@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 16 tháng 12 năm 2025 đến trước 16h30' ngày 26 tháng 12 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 26 tháng 12 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hoá, dịch vụ yêu cầu chi tiết: *Theo Phụ lục đính kèm.*

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản hàng hoá:

- Địa điểm giao hàng: Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2, đường Nguyễn Quyền, phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh.

3. Thời gian thực hiện hợp đồng dự kiến: 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Không tạm ứng.

- Thanh toán bằng chuyển khoản.

- Thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ ngày hoàn tất các thủ tục thanh toán (hóa đơn, biên bản bàn giao và các chứng từ liên quan) bên mua sẽ chuyển khoản toàn bộ số tiền đã mua hàng hóa cho bên bán.

5. Các thông tin khác (nếu có).

- Chất lượng hàng hoá mới 100%

- Bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

- Báo giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có)... Và các khoản chi phí khác có liên quan, bên mua không phải trả thêm bất kỳ khoản chi phí nào khác./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh (đăng tải);
- Cổng thông tin điện tử SYT (đăng tải);
- Phòng TCKT (đăng tải trên HT mạng ĐT Quốc gia);
- Phòng Công nghệ thông tin (đăng tải trên website của BV);
- Lưu VT, HỖXDG.

GIÁM ĐỐC

Hạ Bá Chân

Phụ lục: Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật

Gói thầu: Mua sắm vật tư khám và điều trị năm 2025-2027

Thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm vật tư khám và điều trị năm 2025-2027

(Kèm theo yêu cầu báo giá số: 9649/YCBG-BVĐKBN2 ngày 16/12/2025 của Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2)

STT	Danh mục hàng hoá	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật (Đối với các kích thước và thông số cố định cho phép chào các kích cỡ và thông số khác dao động trong khoảng $\pm 10\%$)	Đơn vị tính	Số lượng
1	Các loại áo và nẹp			
1.1	Áo vùng lưng	<ul style="list-style-type: none">- Chất liệu vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí.- Có khóa và các nẹp hợp kim nhôm.- Dùng hỗ trợ giúp ổn định, giảm chịu lực vùng thắt lưng, trật đĩa đệm, xẹp lún nhiều đốt sống.- Có tối thiểu các cỡ: S, M, L, XL.	Cái	100
1.2	Đai số 8	<ul style="list-style-type: none">- Chất liệu vải cotton, đệm mút.- Có khóa dán.- Thiết kế định hình ôm quanh phần xương đòn và nách. Cố định chấn thương gãy xương đòn, trật khớp xương đòn, bả vai, khớp ức – đòn.- Có tối thiểu các cỡ: S, M, L, XL.	Cái	450
1.3	Nẹp chống xoay dài	<ul style="list-style-type: none">- Chất liệu vải có lỗ thoáng khí.- Có khóa dán và nẹp hợp kim nhôm theo tư thế điều trị.- Có tối thiểu các cỡ: S, M, L, XL.	Cái	600
1.4	Nẹp gối dài 60cm	<ul style="list-style-type: none">- Chất liệu vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí.- Có khóa dán và nẹp hợp kim nhôm.- Gồm các mảnh riêng biệt kết hợp với nhau điều chỉnh độ rộng tùy ý.- Chiều dài: 60cm.	Cái	600
1.5	Nẹp mềm cố định khớp vai	<ul style="list-style-type: none">- Chất liệu đệm mút, vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí.- Có khóa dán, ổn định khớp vai ở tư thế điều trị.- Dùng trong trường hợp trật khớp vai, cố định sau mổ vùng khớp vai, gãy lồi cầu xương cánh tay, viêm khớp vai cấp và mãn tính.- Có tối thiểu các cỡ: S, M, L, XL.	Cái	450
2	Các loại ống nghiệm			

2.1	Ống citrate 3.2%	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thân ống: Nhựa PP hoặc nhựa PET, - Chất liệu nắp: Cao su hoặc nhựa PVC hoặc nhựa PP. - Kích thước (đường kính x chiều cao): 13x75mm. - Thể tích lấy mẫu: 2ml. - Chất kháng đông: Sodium Citrate 3.2% hoặc Trisodium Citrate Dihydrate 3.2%. 	Ống	154.800
2.2	Ống máu lắng	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thân ống: Thủy tinh, có nắp cao su. - Thể tích mẫu: 1.28ml. - Kích thước (đường kính x chiều cao): 8x120mm. - Chứa 0.32 ml sodium citrate 3.2% 	Ống	1.500
2.3	Ống nghiệm EDTA nắp cao su	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu ống: Nhựa PP hoặc nhựa PET, nắp cao su. - Kích thước (đường kính x chiều cao): 13x75mm. - Thể tích: 2ml. - Ống chứa chất kháng đông Ethylenediaminetetraacetic acid dipotassium salt dihydrate (EDTA K2). 	Ống	610.000
2.4	Ống nghiệm Heparin	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu ống: Nhựa PP, nắp nhựa. - Kích thước (đường kính x chiều cao): 13x75mm. - Thể tích: 2ml. - Ống chứa chất kháng đông Heparin Lithium. 	Ống	610.000
2.5	Ống nghiệm nhựa có nắp 12x75mm	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu ống: Nhựa PS hoặc nhựa PP, có nắp. - Ống chứa hạt nhựa polystyrene. - Kích thước (đường kính x chiều cao): 12x75mm. - Thể tích: 5ml. 	Ống	75.000
2.6	Ống nghiệm thủy tinh	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu ống: Thủy tinh. - Kích thước (đường kính x chiều cao): 12x70mm hoặc 12x120mm. - Độ dày: 0.6mm. 	Ống	21.000
3	Các loại kim			
3.1	Kim cấy chỉ vô trùng	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu kim: thép không gỉ. - Chất liệu giá đỡ kim, ống bảo vệ: nhựa PP. - Đã được tiệt trùng. 	Cái	600
3.2	Kim châm cứu 5cm	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu kim: thép không gỉ - Chiều dài: 5cm. - Đã được tiệt trùng. 	Cái	1.500.000

3.3	Kim châm cứu 6cm	- Chất liệu kim: thép không gỉ - Chiều dài: 6cm. - Đã được tiệt trùng.	Cái	300.000
3.4	Kim chích máu mao mạch	- Kim chích máu mao mạch. - Chất liệu: thép không gỉ. - Chiều dài: 3cm. - Đã được tiệt trùng.	Cái	75.000
3.5	Kim laser nội mạch	- Kim quang học dùng cho máy laser nội mạch. - Chất liệu: ETFE. - Chiều dài kim: 25mm. - Đã được tiệt trùng.	Cái	15.000
4	Vật tư cận lâm sàng			
4.1	Bao cao su	- Chất liệu: latex cao su thiên nhiên. - Có chất bôi trơn. - Chiều dài: ≥ 160 mm.	Cái	3.000
4.2	Bộ bơm tiêm 1 nòng dùng cho bơm thuốc cản quang hệ thống DSA	- Tối thiểu bao gồm: + Ống xilanh thể tích 150ml. + Cụm pittong. + Khóa vít, nắp, ống nạp thuốc nhanh. - Đã được tiệt trùng.	Bộ	460
4.3	Bộ bơm tiêm tự động 2 nòng dùng cho bơm thuốc cản quang máy chụp CT	- Tối thiểu bao gồm: + Cụm pittong. + Ống xilanh thể tích 200ml. + Nắp, khóa luer. + Ống dài 150cm. + Đầu nối chữ Y. + Van 01 chiều. + Kim. - Đã được tiệt trùng.	Bộ	300
4.4	Cực điện tim	- Điện cực bằng xốp và gel dính. - Kích thước: ≥ 37 mm x 33mm.	Cái	61.000
4.5	Dụng cụ lọc vi khuẩn đo chức năng hô hấp	- Chất liệu: Nhựa tổng hợp y tế, vật liệu lọc khuẩn làm từ sợi polypropylene tĩnh điện. - Kích thước trong đầu cắm vào máy có các cỡ theo tiêu chuẩn nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 27mm đến 45mm. - Kích thước ngoài đầu cắm vào máy có các cỡ theo tiêu chuẩn nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ: 30mm đến 48mm. - Kích thước ngoài đầu cắm vào bệnh nhân: 29.5	Cái	12.000

		mm. - Hiệu quả lọc khuẩn: $\geq 99.99\%$. - Đã được tiệt trùng.		
4.6	Giấy điện tim 6 cân	- Giấy in dùng cho máy điện tim. - Cỡ giấy: 110mm x 140mm. - Một tập: ≥ 140 tờ.	Tập	4.600
4.7	Giấy siêu âm	- Giấy in nhiệt dùng cho máy in siêu âm. - Chiều dài: ≥ 20 m. - Chiều rộng: 110mm.	Cuộn	300
4.8	Mỡ bôi trơn nội soi	- Trong suốt, không màu, không mùi. - Thành phần: Nước cất, Hydroxyethyl cellulose, Glycerine, Natri hydroxid, Sodium benzoat. - Quy cách: ≥ 80 ml/ tuýp.	Tuýp	3.000
4.9	Mỡ điện tim	- Mỡ điện tim. - Gel không chứa formaldehyde. - Quy cách: ≥ 250 ml/ chai.	Chai	50
4.10	Mỡ máy siêu âm	- Mỡ máy siêu âm. - Trong suốt, không mùi. - Thành phần tối thiểu: Nước, Carbomer, Glycerin, Sodium benzoate.	Lít	1.500
4.11	Phim X quang quanh chóp rửa nhanh	- Phim X quang nha khoa rửa nhanh. - Có sẵn dung dịch rửa phim. - Kích thước phim: 30mm x 40mm.	Tờ	1.500
5	Vật tư dùng cho giải phẫu bệnh và xét nghiệm			
5.1	Chai cấy máu	- Chai cấy máu hiếu khí. Được sử dụng cho quá trình nuôi cấy và thu hồi vi sinh vật hiếu khí. - Chất liệu nhựa. - Thể tích: 30ml.	Chai	9.200
5.2	Dao cắt bệnh phẩm	- Chất liệu: thép không gỉ. - Dùng được cho máy cắt quay tay. - Kích thước: 0.25x8x80mm. - Góc nghiêng 35°.	Cái	1.800
5.3	Đầu côn vàng	- Chất liệu: nhựa PP. - Thể tích 200 μ l. - Kích thước 6x50mm.	Cái	30.000
5.4	Đầu côn xanh	- Chất liệu: nhựa PP. - Thể tích 1000 μ l. - Kích thước 8x69mm.	Cái	30.000

5.5	Đĩa Petri các loại	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: PS. - Đường kính: 90mm. - Chiều cao: 15mm. - Đã được tiệt trùng. 	Cái	15.000
5.6	Hộp đựng kim an toàn	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Carton 2 mặt phủ màng PE. - Kích thước ngoài sau khi lắp ráp: 275 x 160 x 125mm. - Dung tích hộp: ≥ 5 lít. - Kích thước lỗ thả bơm tiêm: 36 ± 1 mm, có nắp đóng mở. 	Cái	1.500
5.7	Khuôn đúc mẫu bệnh phẩm cassettes	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: nhựa Polyoxymethylene (POM). - Không bị biến dạng khi ngâm trong cồn, Toluene và Xylen. 	Cái	28.000
5.8	Lam kính chống bong	<ul style="list-style-type: none"> - Lam kính chống bong. - Kích thước: 25 x 75mm. - Độ dày: Trong khoảng từ 1.0 - 1.2mm. 	Cái	12.000
5.9	Lam kính mài	<ul style="list-style-type: none"> - Lam kính hiển vi trong suốt, mài mờ. - Chất liệu: thủy tinh natri cacbonat (kính soda vôi). - Độ dày: Trong khoảng từ 1.0 – 1.2mm. - Kích thước: 25mm x 75mm. 	Cái	108.000
5.10	Lam kính thường	<ul style="list-style-type: none"> - Lam kính hiển vi trong suốt. - Chất liệu: thủy tinh natri cacbonat (kính soda vôi). - Độ dày: Trong khoảng từ 1.0 – 1.2mm. - Kích thước: 25 x 76 mm 	Cái	21.960
5.11	Lamen kích thước 22x22 mm	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: thủy tinh - Độ dày: Trong khoảng từ 0.13 – 0.16mm. - Kích thước: 22 x 22mm 	Cái	30.000
5.12	Lamen kích thước 22x40 mm	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: thủy tinh - Độ dày: Trong khoảng từ 0.13 – 0.16mm. - Kích thước: 22 x 40mm 	Cái	45.000
5.13	Lọ đựng bệnh phẩm	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: nhựa PP/ PS - Thể tích: 60ml. - Kích thước: 42x63mm. - Có nắp, có nhãn. 	Lọ	15.000
5.14	Pipet nhựa	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: nhựa PE/ LDPE. - Thể tích: 3ml. - Chiều dài: 160mm. - Có vạch chia thể tích trên thân ống. 	Cái	30.000

5.15	Que lấy dịch ty hầu	<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài 150mm, khắc bẻ 80mm. - Đầu làm từ bông sợi tổng hợp. - Thân que làm từ nhựa PP. - Đã được tiệt trùng. 	Cái	3.000
5.16	Tăm bông vô trùng	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Nhựa PP hoặc PE hoặc cotton hoặc gỗ. - Thể tích mẫu 0.15ml. - Kích thước 12x175mm. - Đã được tiệt trùng. 	Cái	30.000
6	Vật tư dùng trong phẫu thuật và phòng mổ			
6.1	Bộ gây tê ngoài màng cứng	<ul style="list-style-type: none"> - Bao gồm: kim tiêm ngoài màng cứng dạng Tuohy cỡ 18G, bơm tiêm giảm kháng lực, catheter, bơm và kim tiêm, lọc, miếng dán lọc, đầu kết nối. - Catheter được làm từ vật liệu trong suốt, đầu có 3 lỗ thoát thuốc, thân mềm dẻo, chống gập. Chiều dài 1000mm, cỡ 20G. 	Bộ	450
6.2	Bộ gây tê phối hợp tủy sống ngoài màng cứng	<ul style="list-style-type: none"> - Bao gồm: kim chọc dò tủy sống, kim, bơm tiêm giảm kháng lực, bộ lọc, tấm dán cố định bộ lọc, bộ nối catheter. - Kim chọc dò tủy sống kích thước 27G. - Kim cỡ 18G, có lỗ thoát kim ở đầu cong. - Bơm tiêm giảm kháng lực đầu thẳng. - Bộ lọc 0.2µm. 	Bộ	150
6.3	Kẹp khóa mạch máu	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Polymer không tan. - Gập mở linh hoạt. - Có gai dọc thân clip. - Có khóa an toàn. - Có các cỡ theo tiêu chuẩn nhà sản xuất. 	Cái	5.000
6.4	Lưới điều trị thoát vị	<ul style="list-style-type: none"> - Lưới điều trị thoát vị. - Chất liệu: Polypropylene. - Kích thước: 6x11cm. - Đã được tiệt trùng. 	Cái	600
6.5	Ống silicon nối lệ quản đứt	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để nối lệ quản. - Chất liệu: silicon, phủ PVP. - Đường kính: 0.64mm. - Đã được tiệt trùng. 	Cái	100
6.6	Dao phẫu thuật mắt	<ul style="list-style-type: none"> - Lưỡi dao làm bằng thép không gỉ. - Kích cỡ lưỡi dao: Trong khoảng từ 2.85mm - 3.2mm. - Đã được tiệt trùng. 	Cái	80

6.7	Dao phẫu thuật mắt 15 độ	<ul style="list-style-type: none"> - Lưỡi dao làm bằng thép không gỉ. - Góc mở: 15°. - Có 2 mặt vát. - Đã được tiệt trùng. 	Cái	80
6.8	Dao phẫu thuật miệng	<ul style="list-style-type: none"> - Lưỡi dao làm bằng thép không gỉ. - Chiều rộng: 3.0mm. - Có 2 mặt vát. - Đã được tiệt trùng. 	Cái	80
6.9	Bản cực trung tính cho dao mổ điện sử dụng một lần	<ul style="list-style-type: none"> - Bản cực trung tính cho dao mổ điện sử dụng một lần. - Chiều dài dây: $\geq 2.5m$. - Dùng cho bệnh nhân $>10kg$. 	Cái	600
6.10	Dây cưa sọ não	<ul style="list-style-type: none"> - Dây cưa sọ não. - Chất liệu: thép không gỉ. - Chiều dài: 50cm 	Cái	150
6.11	Dây hút dịch nhựa	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: PVC. - Chiều dài: $\geq 2m$. - Đường kính ngoài: 10mm, đường kính trong: 8mm. - Đã được tiệt trùng. 	Cái	45.000
6.12	Kim khâu phẫu thuật	<ul style="list-style-type: none"> - Được dùng để khâu vết thương. - Chất liệu: thép carbon. - Đầu kim nhọn, sắc nhọn. - Có các cỡ theo tiêu chuẩn nhà sản xuất. 	Cái	3.000
6.13	Lưỡi dao mổ tiệt trùng số 15	<ul style="list-style-type: none"> - Lưỡi dao mổ số 15. - Chất liệu: thép không gỉ. - Đã được tiệt trùng. 	Cái	1.500
6.14	Ống carlen các số	<ul style="list-style-type: none"> - Một bộ bao gồm: 01 ống nội phế quản (trái hoặc phải), 01 bộ co nối có kẹp, 04 catheter có van kiểm soát. - Chất liệu: PVC, phủ silicon. - Có 02 bóng: Đường kính bóng phế quản từ 12-22mm; Đường kính bóng khí quản từ 14-32mm - Co nối dài 15mm. - Có đường cảm quang và vạch chia dọc thân ống. - Đã được tiệt trùng. 	Cái	20
6.15	Thông fogarty	<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài có các cỡ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 40cm đến 100cm. - Đường kính có các cỡ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 2F đến 7F. 	Cái	20

		<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính bóng có các cỡ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 4mm đến 14mm. - Thể tích bóng có các cỡ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 0.05ml đến 2ml. 		
6.16	Thông foley 2 chạc các số	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: latex tự nhiên, phủ silicon. - Có van. - Có các kích thước: + Kích thước Fr6-Fr10 (trẻ em): Chiều dài: 270mm. Dung tích bóng: 3cc/5cc + Kích thước Fr12-Fr22 (tiêu chuẩn): Chiều dài: 400mm. Dung tích bóng: 5cc/10cc/30cc + Kích thước Fr24-Fr26 (tiêu chuẩn): Chiều dài: 400mm. Dung tích bóng: 10cc/30cc 	Cái	30.000
6.17	Thông hút nhớt các số	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Nhựa PVC. - Chiều dài: ≥ 500mm. - Có các cỡ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. - Đã được tiệt trùng. 	Cái	55.000
6.18	Thông Nelaton các số	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: cao su thiên nhiên, phủ silicon. - Có 1 nhánh. - Có tối thiểu chiều dài: 400mm. - Có các cỡ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. 	Cái	300
6.19	Ống thông khí	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu nhựa. - Đường kính trong 1.15 mm. - Đã được tiệt trùng. 	Cái	30
6.20	Bàn chải phẫu thuật	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng rửa tay trước khi phẫu thuật. - Kích thước 4x10 cm. 	Cái	60
7	Vật tư y tế khác			
7.1	Băng thun có keo cố định khớp	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Cotton. - Có chất kết dính. - Độ bền kéo: ≥ 9.5kg/12mm. - Độ kết dính: ≥ 550g/12mm. - Chiều rộng: 10cm. - Chiều dài: ≥ 4.5m. 	Cuộn	900
7.2	Bao huyết áp monitor	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Nylon TPU. - Sử dụng cho người lớn, trẻ em. - Tương thích với monitor theo dõi bệnh nhân của các hãng: Nihon Kohden, Philips... 	Cái	150

7.3	Bộ sinh thiết bán tự động	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ sinh thiết bán tự động - Có kèm kim dẫn đường. - Chiều dài kim: 160mm. - Cỡ kim: Có tối thiểu các cỡ 16G, 18G, 20G. - Trên thân kim có vạch đánh dấu chiều sâu thâm nhập. 	Bộ	1.500
7.4	Bông cắt	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: 100% cotton, không mùi. - Kích thước: 2cmx2cm. - Tốc độ hút nước $\leq 5s$. - Khả năng giữ nước ≥ 20gam nước/ gam bông. - Đã được tiệt trùng. - Quy cách: ≥ 10gam/ gói. 	Gói	210.000
7.5	Bông y tế	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: 100% cotton, không mùi. - Tốc độ hút nước $\leq 5s$. - Khả năng giữ nước ≥ 20gam nước/ gam bông. 	Kg	1.800
7.6	Bông y tế không thấm nước	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Bông xơ tự nhiên, không thấm nước. - Mô tả: Dạng dải cuộn thành trụ. 	Kg	20
7.7	Chì đổ khuôn dùng trong xạ trị	<ul style="list-style-type: none"> - Chì đổ khuôn dùng trong xạ trị. - Thành phần: Bismuth 50%, chì 26.7%, thiếc: 13.3%, cadmium: 10%. - Nhiệt độ nóng chảy: Xấp xỉ 70°C. 	Kg	10
7.8	Dây truyền hóa chất Paclitaxel	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Polyurethane. - Chiều dài: 150cm. - Có bầu nhỏ giọt. - Có màng lọc dịch 0.2μm, màng lọc tiểu phân 15μm. - Đường kính trong: 3mm. - Đường kính ngoài: 4mm 	Cái	600
7.9	Bộ dây truyền máu	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ dây truyền máu đuôi khí tự động - Chiều dài dây nối: ≥ 180 cm. - Đã được tiệt trùng. 	Cái	18.500
7.10	Mặt nạ cố định đầu cổ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Polymer (nhựa dẻo nhiệt). - Có tối thiểu 02 kích thước trong khoảng: <ul style="list-style-type: none"> + Chiều dài: 240mm-275 mm. + Chiều rộng: 200mm- 260mm. - Độ dày: Trong khoảng từ 2.2mm – 3.2mm. 	Cái	450
7.11	Găng tay sản dài	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Latex cao su thiên nhiên. - Có phủ bột chống dính. - Chiều dài: 490 \pm 10 mm. - Chiều rộng lòng bàn tay có 2 kích thước: 89 \pm 5 	Đôi	500

		mm, 95 ± 5 mm - Đã được tiệt trùng.		
7.12	Canuyn mở khí quản 2 nòng các số	- Chất liệu: Nhựa PVC. - Cỡ ống: ≥ 6 mm. - Chiều dài ống: ≥ 60 mm.	Cái	500
7.13	Bộ đo huyết áp động mạch xâm lấn 1 đường	- Bộ đo huyết áp động mạch xâm lấn 1 đường - Chất liệu: Polymer. - Tương thích với monitor của các hãng Philips, Nihon Kohden, GE...	Bộ	200
7.14	Catheter động mạch	- Dùng để theo dõi huyết áp xâm lấn và lấy mẫu máu. - Chất liệu kim mở đường vào: Thép không gỉ. - Chất liệu dây dẫn: Thép không gỉ. - Chiều dài catheter: 20G (80mm). - Chiều dài dây dẫn: ≥ 25 cm	Cái	300
7.15	Dây, đai cố định tay, chân cho bệnh nhân	- Thiết kế dạng miếng dán. - Sử dụng được cho cả tay và chân. - Có thể buộc vào giường hoặc các vật dụng khác.	Cái	400
7.16	Băng dán cố định catheter có chất kháng khuẩn CHG	- Băng dán có chất kháng khuẩn CHG (chlorhexidine gluconate). - Kích thước băng dán: 10x12cm. - Thời gian lưu tối đa: ≥ 7 ngày - Đã được tiệt trùng.	Miếng g	600
7.17	Kim buồng tiêm dưới da 20G	- Chất liệu kim: Thép không gỉ. - Chất liệu dây dẫn: Nhựa PVC. - Kim cong 90 độ, cỡ kim: 20G. - Chiều dài dây dẫn từ kim đến khóa: ≥ 20 cm. - Đã được tiệt trùng.	Cái	600
8	Vật tư dùng cho lọc máu liên tục			
8.1	Bộ quả lọc máu liên tục	- Chất liệu màng lọc: Dạng sợi rỗng AN 69 HF: Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer. - Diện tích màng lọc: ≥ 0.9 m ² - Áp lực tối đa: ≥ 500 mmHg. - Khoảng tốc độ dòng máu: 75- 400ml/phút. - Thể tích máu mỗi: ≤ 70 ml. - Đã được tiệt trùng.	Bộ	500

8.2	Bộ quả lọc trao đổi huyết tương	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu màng lọc: Polypropylene, dạng sợi rỗng. - Diện tích màng lọc: $\geq 0.35 \text{ m}^2$ - Khoảng tốc độ dòng máu: 100- 400ml/phút. - Thể tích máu trong quả lọc huyết tương: $\leq 50 \text{ ml}$. - Đã được tiệt trùng. 	Bộ	60
9	Vật tư chuyên khoa răng hàm mặt			
9.1	Bẫy chân răng loại khuỷu	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Thép không gỉ. - Hình dạng: đầu khuỷu cong ≥ 45 độ. - Có các cỡ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. 	Cái	20
9.2	Bẫy chân răng loại thẳng	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: thép không gỉ. - Hình dạng: đầu thẳng. - Có các cỡ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. 	Cái	20
9.3	Bẫy chóp răng	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: thép không gỉ. - Hình dạng: đầu thẳng, đầu cong. - Có các cỡ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. - Quy cách: ≥ 03 cái/ bộ 	Bộ	20
9.4	Bơm tiêm gây tê nha khoa	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: thép không gỉ hoặc thép không gỉ kết hợp nhựa polycarbonate. - Dung tích: $\geq 1.8\text{ml}$. 	Cái	20
9.5	Cán gương nha khoa	<p>Cán gương nha khoa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: thép không gỉ. - Loại: thẳng, cong. 	Cái	100
9.6	Cây lèn ống tủy	<ul style="list-style-type: none"> - Bao gồm: lưỡi cắt và chuỗi. - Chất liệu lưỡi cắt: thép không gỉ. - Quy cách: ≥ 06 cây/ hộp 	Hộp	20
9.7	Châm gai xanh	<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài làm việc: 20mm. - Chất liệu: thép không gỉ. - Quy cách: ≥ 06 cây/ hộp 	Hộp	20
9.8	Châm thăm răng	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: thép không gỉ. - Đầu thăm dạng: móc nhọn, thước đo 	Cái	100
9.9	Chỉ thép răng các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: thép không gỉ. - Dạng tròn. - Quy cách: $\geq 30\text{m}$/ cuộn 	Cuộn	20
9.10	Chổi cước đánh bóng răng	<ul style="list-style-type: none"> - Chổi cước đánh bóng răng. - Chất liệu: Cước tự nhiên. - Dạng chóp. 	Cái	100
9.11	Củ tay khoan	<ul style="list-style-type: none"> - Củ tay khoan. 	Cái	10

		- Tốc độ quay trong khoảng từ 5.000-40.000 RPM.		
9.12	Đầu chụp tay khoan thẳng	- Dùng để nhổ răng, cắt xương. - Tương thích với mặt hàng STT 9.11 (Củ tay khoan).	Cái	50
9.13	Đầu lấy cao răng	- Đầu dạng móc. - Tương thích với máy lấy cao răng.	Cái	10
9.14	Gắp khám răng	- Gắp khám răng. - Chất liệu: thép không gỉ. - Chiều dài: ≥ 145 mm.	Cái	100
9.15	Gương khám răng	- Gương chống mờ. - Chất liệu khung: thép không gỉ. - Tương thích với mặt hàng STT 9.5 (Cán gương nha khoa).	Cái	100
9.16	Kim nha khoa	- Chất liệu: thép không gỉ. - Có tối thiểu các cỡ kim: 27G, 30G. - Chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.	Cái	2.000
9.17	Lentulo hàm trên	- Chất liệu: thép không gỉ. - Chiều dài: 20mm. - Quy cách: ≥ 04 cây/ hộp	Hộp	20
9.18	Mũi khoan kim cương	- Mũi khoan phủ kim cương. - Sử dụng trong nha khoa	Cái	500
9.19	Mũi khoan Tungsten	- Mũi khoan chất liệu: Tungsten (Vonfram). - Mũi hình trụ.	Cái	300
9.20	Ốc tay khoan	- Ốc tay khoan. - Tương thích với mặt hàng STT 9.23 (Tay khoan tốc độ cao).	Cái	10
9.21	Ống hút nhựa nha khoa	- Chất liệu: nhựa PVC, chống cắn. - Đầu gia cố nhựa dẻo cứng. - Đầu kết nối tương thích với ghế răng.	Cái	2.000
9.22	Tăm bông nha khoa	- Tăm bông dùng 1 lần. - Sử dụng trong nha khoa	Cái	10
9.23	Tay khoan tốc độ cao	- Dùng để mài răng, nhổ răng. - Tốc độ cao nhất ≥ 400.000 RPM. - Tương thích với mặt hàng STT 9.20 (Ốc tay khoan).	Cái	10
9.24	Trâm tay đưa ống tủy	- Trâm tay đưa ống tủy. - Chất liệu thép không gỉ. - Quy cách: ≥ 06 cây/ hộp	Hộp	100

10		Các y dụng cụ		
10.1	Bát inox	- Bát inox. - Chất liệu: thép không gỉ. - Đường kính: 8cm.	Cái	500
10.2	Hộp inox 15x22 cm	- Hộp hình chữ nhật. - Chất liệu: thép không gỉ. - Kích thước (chiều rộng x chiều dài): 15x22cm.	Cái	100
10.3	Hộp inox 16x30 cm	- Hộp hình chữ nhật. - Chất liệu: thép không gỉ. - Kích thước (chiều rộng x chiều dài): 16x30cm.	Cái	50
10.4	Hộp inox 20x30 cm	- Hộp hình chữ nhật. - Chất liệu: thép không gỉ. - Kích thước (chiều rộng x chiều dài): 20x30cm.	Cái	50
10.5	Hộp tròn inox phi 10	- Hộp đựng bông băng, có nắp. - Chất liệu: thép không gỉ. - Đường kính: 10cm	Cái	200
10.6	Hộp tròn inox phi 20	- Hộp hình tròn. - Chất liệu: thép không gỉ. - Đường kính: 20mm	Cái	50
10.7	Hộp tròn inox phi 24	- Hộp hình tròn. - Chất liệu: thép không gỉ. - Đường kính: 24mm.	Cái	100
10.8	Kéo cong nhọn 12cm	- Kéo phẫu thuật cong nhọn. - Chất liệu: thép không gỉ. - Chiều dài: 12cm.	Cái	100
10.9	Kéo cong nhọn 16cm	- Kéo phẫu thuật cong nhọn. - Chất liệu: thép không gỉ. - Chiều dài: 16cm	Cái	250
10.10	Kéo cong nhọn 18cm	- Kéo phẫu thuật cong nhọn. - Chất liệu: thép không gỉ. - Chiều dài: 18cm.	Cái	150
10.11	Kéo thẳng nhọn 12cm	- Kéo phẫu thuật thẳng nhọn. - Chất liệu: thép không gỉ. - Chiều dài: 12cm.	Cái	150
10.12	Kéo thẳng nhọn 16cm	- Kéo phẫu thuật thẳng nhọn. - Chất liệu: thép không gỉ. - Chiều dài: 16cm	Cái	200

10.13	Kéo thẳng nhọn 18cm	- Kéo phẫu thuật thẳng nhọn. - Chất liệu: thép không gỉ. - Chiều dài: 18cm.	Cái	150
10.14	Kẹp phẫu tích 16cm	- Kẹp phẫu thuật không máu. - Chất liệu: thép không gỉ. - Chiều dài: 16cm	Cái	400
10.15	Kẹp phẫu tích 12cm	- Kẹp phẫu thuật không máu. - Chất liệu: thép không gỉ. - Chiều dài: 12cm.	Cái	250
10.16	Kẹp sát trùng	- Kẹp sát trùng. - Chất liệu: thép không gỉ. - Chiều dài: 25cm.	Cái	100
10.17	Khay inox kích thước 10x15cm	- Chất liệu: thép không gỉ. - Kích thước (chiều rộng x chiều dài): 10x15cm	Cái	100
10.18	Khay inox kích thước 17x23cm	- Chất liệu: thép không gỉ. - Kích thước (chiều rộng x chiều dài): 17x23cm	Cái	100
10.19	Khay inox kích thước 22x32cm	- Chất liệu: thép không gỉ. - Kích thước (chiều rộng x chiều dài): 22x32cm.	Cái	150
10.20	Khay inox quả đậu	- khay quả đậu. - Chất liệu: thép không gỉ.	Cái	300
10.21	Kìm mang kim	- Kìm mang kim. - Chất liệu: thép không gỉ. - Chiều dài: 16cm.	Cái	150
10.22	Ổng trụ inox	- Ổng trụ cắm panh. - Chất liệu: thép không gỉ. - Trụ cao: 13 cm, đường kính: 6cm. - Đường kính đế: 10cm	Cái	300
10.23	Panh cong có máu	- Panh phẫu thuật cong có máu. - Chất liệu: thép không gỉ. - Chiều dài: 16cm.	Cái	200
10.24	Panh cong không máu	- Panh phẫu thuật cong không máu. - Chất liệu: thép không gỉ. - Chiều dài: 16cm.	Cái	300
10.25	Panh thẳng có máu	- Panh phẫu thuật thẳng có máu. - Chất liệu: thép không gỉ. - Chiều dài: 16cm.	Cái	250

10.26	Panh thắng không máu	<ul style="list-style-type: none"> - Panh phẫu thuật thắng không máu. - Chất liệu: thép không gỉ. - Chiều dài: 16cm 	Cái	300
11	Vật tư thay thế, sửa chữa			
11.1	Bộ điều chỉnh áp suất oxy bình	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Đồng hoặc đồng thau. - Áp suất đầu vào tối đa: ≥ 10Mpa. - Áp suất đầu ra: 0.2 – 0.3 Mpa. - Van an toàn: 0.35 ± 0.05Mpa. - Lưu lượng: 1-15 lít/phút. 	Cái	100
11.2	Bộ lưu lượng kế kèm bình làm ảm oxy gắn tường	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Hợp kim nhôm. - Chất liệu ống dẫn lưu và thân tạo ảm: Nhựa polycarbonate. - Áp suất làm việc: 4.5 bar ($\pm 10\%$). - Lưu lượng: 1-15 lít/phút. 	Cái	300
11.3	Bộ lưu lượng kế kèm bình làm ảm oxy gắn tường (bộ đôi)	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Đồng hoặc đồng thau. - Bộ lưu lượng kế kèm bình làm ảm oxy gắn tường loại đôi. - Chất liệu ống dẫn lưu và thân tạo ảm: Nhựa polycarbonate. - Áp suất làm việc: ≤ 0.5 bar. - Lưu lượng: 1-15 lít/phút. 	Cái	100
11.4	Cáp điện tim dùng cho máy theo dõi bệnh nhân GE	<ul style="list-style-type: none"> - Cáp điện tim tương thích với máy theo dõi bệnh nhân của hãng GE. - Dạng kẹp, 5 điện cực, 11 chân. 	Cái	50
11.5	Cáp điện tim dùng cho máy theo dõi bệnh nhân Nihon Kohden	<ul style="list-style-type: none"> - Cáp điện tim tương thích với máy theo dõi bệnh nhân của hãng Nihon Kohden. - Dạng kẹp, 3 điện cực, 12 chân. 	Cái	50
11.6	Cáp đo SpO2 dùng cho máy theo dõi bệnh nhân GE	<ul style="list-style-type: none"> - Cảm biến đo SpO2 dạng kẹp tương thích với máy theo dõi bệnh nhân của hãng GE. - Dạng kẹp ngón tay. - Chiều dài: ≥ 300cm, 11 chân. 	Cái	50
11.7	Cáp đo SpO2 dùng cho máy theo dõi bệnh nhân Nihon Kohden	<ul style="list-style-type: none"> - Cảm biến đo SpO2 dạng kẹp tương thích với máy theo dõi bệnh nhân của hãng Nihon Kohden. - Dạng kẹp ngón tay. - Chiều dài: ≥ 300cm, 14 chân. 	Cái	100
11.8	Kẹp điện tim	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu điện cực: Niken. 	Bộ	120

		<ul style="list-style-type: none"> - Dạng kẹp chỉ. - Tương thích với chân cắm 3mm và 4mm. 		
11.9	Núm điện cực (máy điện tim)	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu điện cực: Niken. - Dạng điện cực hút. - Tương thích với chân cắm 4mm. 	Bộ	210
11.10	Dây máy thở không xâm nhập	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu dây dẫn: Silicone. - Chiều dài dây dẫn: $\geq 1.2\text{m}$. 	Bộ	10
11.11	Bóp bóng ambu	<p>Cấu hình tối thiểu cho 1 bộ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bóp bóng chất liệu Silicone: 01 cái. - Mặt nạ chất liệu silicone: 01 cái. - Túi trộn khí thể tích 600ml hoặc 2700ml: 01 cái. - Dây dẫn khí chiều dài $\geq 200\text{ cm}$: 01 cái. - Bánh miệng có tối thiểu các cỡ số 40mm, 50mm, 60mm, 70mm, 80mm, 90mm, 100mm: 01 bộ. - Hộp đựng: 01 cái. 	Cái	100
12	Vật tư lọc máu hấp phụ			
12.1	Dây nối giữa quả hấp phụ máu và quả lọc thận nhân tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu dây: nhựa PVC, không latex. - Dùng để kết nối giữa quả hấp phụ máu và quả lọc thận nhân tạo. - Đường kính trong của dây: $\geq 4\text{mm}$ - Độ dài dây: $\geq 800\text{mm}$. 	Dây	1.000
12.2	Quả lọc máu hấp phụ điều trị suy thận mạn	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vỏ: Polycarbonate. - Chất liệu hạt hấp phụ: Styrene-divinylbenzene Copolymer liên kết ngang kép. - Chất liệu phủ hạt hấp phụ: Collodion. - Thể tích chất hấp phụ: 130ml. - Thể tích khoang máu: 115ml. - Tốc độ máu tối đa: 450mL/phút. - Thời gian lọc tối đa: $\geq 4\text{h}$. 	Quả	800
12.3	Quả hấp phụ máu một lần điều trị ngộ độc cấp	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vỏ: Polycarbonate. - Chất liệu hạt hấp phụ: Styrene-divinylbenzene Copolymer liên kết ngang kép. - Chất liệu phủ hạt hấp phụ: Collodion. - Thể tích chất hấp phụ: 230ml. - Thể tích môi máu: 150ml. - Tốc độ máu tối đa: 350mL/phút. - Thời gian lọc tối đa: $\geq 4\text{h}$. 	Quả	100

12.4	Quả lọc máu hấp phụ Cytokin	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vỏ: Polycarbonate. - Chất liệu hạt hấp phụ: Styrene-divinylbenzene Copolymer liên kết ngang kép. - Chất liệu phủ hạt hấp phụ: Collodion. - Thể tích chất hấp phụ: 330ml. - Thể tích môi máu: 170ml. - Tốc độ máu tối đa: 700mL/phút. - Thời gian lọc tối đa: $\geq 6h$. 	Quả	100
13	Vật tư lọc màng bụng			
13.1	Catheter lọc màng bụng đầu cong	<ul style="list-style-type: none"> - Catheter lọc màng bụng sử dụng để đưa dung dịch thẩm tách vào hoặc xả dịch ra. - Chất liệu: Silicone. - Chiều dài: $\geq 60cm$. - Trên thân có vạch cân quang. 	Cái	20
13.2	Đầu nối cho ống thông lọc màng bụng	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Titanium. - Dùng kết nối giữa bộ chuyển tiếp và ống thông. - Đường kính trong: $\geq 2.5 mm$. - Đã được tiệt trùng. 	Cái	20
13.3	Nắp đóng bộ chuyển tiếp	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Nhựa LDPE. - Nắp chứa miếng xốp polyurethane thấm Povidon - Iod. - Dùng để cách ly và bảo vệ đầu khóa nối của bộ chuyển tiếp. 	Cái	60.000
13.4	Kẹp thay dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Nhựa. - Chất liệu túi: Polyethylene, độ dày $50 \mu m \pm 20\%$. - Dùng hỗ trợ việc lắp và tháo rời đầu nối bộ lọc màng bụng và dung dịch lọc màng bụng. 	Cái	80
13.5	Bộ chuyển tiếp	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: + Nắp đậy: Polyethylene. + Dây luồn: Polysulfone. + Ống: Silicone. + Đầu nối catheter: Polyester. - Được kết nối với đầu nối Titan dùng cho ống thông lọc màng bụng. - Chiều dài: $\geq 200mm$. - Chiều rộng của điểm rộng nhất: $\geq 15mm$. - Tiệt trùng bằng: Ethylen oxide. 	Cái	100
13.6	Kẹp Catheter	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Polypropylene. - Dùng để kẹp catheter lọc màng bụng. - Đã được tiệt trùng. 	Cái	100

14	Catherter có cuff dùng trong chạy thận nhân tạo			
14.1	Catherter 2 nòng có Cuff dùng trong chạy thận nhân tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Carbothane. - Catheter loại 02 nòng. - Chiều dài catheter: $\geq 360\text{mm}$. - 01 bộ tối thiểu có: + 01 Catheter. + 02 que nong. + 01 Dây dẫn đường đầu chữ J. + 01 trocar. + 01 Kim mở đường 18G. + 02 nút đậy catheter. - Đã được tiệt trùng. 	Bộ	100
15	Vật tư dùng cho máy tách huyết tương giàu tiểu cầu			
15.1	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu loại 15ml	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Bằng nhựa, không chứa latex. - Có 3 khoang khép kín, độc lập. - Dung tích khoang chứa máu: 15 ml. - Đã được tiệt trùng. - Tương thích với máy ly tâm tách huyết tương giàu tiểu cầu model TD5A, hãng sản xuất Changsha Yingtai Instrument Co.,Ltd. 	Bộ	200
15.2	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu loại 30ml	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Bằng nhựa, không chứa latex. - Có 3 khoang khép kín, độc lập. - Dung tích khoang chứa máu: 30 ml. - Đã được tiệt trùng. - Tương thích với máy ly tâm tách huyết tương giàu tiểu cầu model TD5A, hãng sản xuất Changsha Yingtai Instrument Co.,Ltd. 	Bộ	200
16	Vật tư dùng cho dao mổ siêu âm			
16.1	Tay dao dùng trong mổ nội soi	<ul style="list-style-type: none"> - Tích hợp năng lượng siêu âm và lưỡng cực trên 1 tay dao. - Tay dao có tối thiểu 2 nút bấm: Hàn và cắt hoặc hàn mạch. - Chiều dài làm việc tối đa: 350 mm. - Tương thích với dao mổ siêu âm model USG-410, hãng sản xuất Shirakawa Olympus. 	Cái	40
16.2	Tay dao dùng trong mổ mở	<ul style="list-style-type: none"> - Tích hợp năng lượng siêu âm và lưỡng cực trên 1 tay dao. - Tay dao có tối thiểu 2 nút bấm: Hàn và cắt hoặc hàn mạch. 	Cái	20

		<ul style="list-style-type: none">- Chiều dài làm việc tối đa: 200 mm.- Tương thích với dao mổ siêu âm model USG-410, hãng sản xuất Shirakawa Olympus.		
--	--	---	--	--

Mẫu báo giá

Gói thầu: Mua sắm vật tư khám và điều trị năm 2025-2027

Thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm vật tư khám và điều trị năm 2025-2027

BÁO GIÁ

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các loại vật tư, hoá chất, thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	STT theo yêu cầu báo giá	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Hãng sản xuất	Đặc tính kỹ thuật, thông số kỹ thuật	Mã HS (nếu có)	Nước sản xuất	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính	Đơn giá trước thuế (VND)	Thuế VAT	Thành tiền (VND)
1		Hàng hoá A										
2		Hàng hoá B										
n		...										

2. Báo giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có)....và các khoản chi phí khác có liên quan, bên mua không phải trả thêm bất kỳ khoản chi phí nào khác.

3. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày 26/12/2025.

4. Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))